

Số : 02/QĐCBNL – CL

Cần Thơ, ngày 28 tháng 8 năm 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG
(Năm 2026)**

Kính gửi: Sở Xây dựng thành phố Cần Thơ.

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Công ty TNHH Tư vấn Giám định Kiểm định chất lượng xây dựng Cửu Long công bố công khai thông tin về hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

1. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

1.1 Tên tổ chức: Công ty TNHH Tư vấn Giám định Kiểm định chất lượng xây dựng Cửu Long.

Giấy chứng nhận đăng ký mã số doanh nghiệp 6300366327, Đăng ký lần đầu vào ngày 21 tháng 03 năm 2024, Đăng ký thay đổi lần 2 ngày 24 tháng 03 năm 2026

Địa chỉ: Thửa đất số 46, tờ số bản đồ số 43, khu vực Long Hòa 2, Phường Long Phú 1, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện pháp luật: Nguyễn Hoàng Nam Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại: 0919.398.833

Mã số thuế: 6300366327

Website: Kiemdinhcuulong.com

Email: kiemdinhcuulong@gmail.com

1.2 Thông tin phòng thí nghiệm:

Địa chỉ: Đường Phạm Thị Gạo, Khu vực Bình Thạnh B, phường Long Bình, thành phố Cần Thơ



Trưởng phòng: Nguyễn Hoàng Nam

Điện thoại: 0919.398.833

Email: nguyenhoangnamxdst@gmail.com

Mã số phòng thí nghiệm được cấp: LAS-XD: 28.003

2. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

2.1 Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm; tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng; máy móc, thiết bị:

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị
I. THỬ NGHIỆM XI MĂNG			
1	Xác định độ mịn, khối lượng riêng của bột xi măng	TCVN 13605:2023	Cân kỹ thuật, sàng 0,09 mm, bình xác định khối lượng riêng.
2	Xác định giới hạn uốn và nén	TCVN 6016:2011 (ISO679:2009)	Máy nén, bộ gá nén, uốn mẫu, khuôn 40x40x160mm, máy trộn xi măng, bàn giăng.
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết, độ ổn định thể tích	TCVN 6017:2015	Máy trộn xi măng, bộ dụng cụ Vica. Khuôn Le Chatelier
II. THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG VÀ HỖN HỢP BÊ TÔNG			
4	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022	Bộ côn thử độ sụt, thước lá kim loại.
5	Xác định giới hạn bền khi nén của bê tông	TCVN 3118:2022	Máy kéo, nén vạn năng 1000KN, thước lá
6	Thử nghiệm xác định thành phần cấp phối bê tông	Theo QĐ 778/1998 QĐ-BXD ngày 05/09/1998	Máy trộn, khuôn mẫu, tủ sấy, bình thủy tinh, thùng ngâm mẫu, bộ sàng, máy nén vạn năng 1000KN
7	Bê tông – Phương pháp xác định cường độ bê tông trên mẫu lấy từ kết cấu	TCVN 12252:2020	Máy khoan rút lõi bê tông, Máy kéo, nén vạn năng 1000KN, thước kẹp cơ khí.
III. THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA			
8	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006	Cân kỹ thuật, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy.
9	Xác định khối lượng riêng; Khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006	Tủ sấy, Cân kỹ thuật, bình dung tích thủy tinh; tấm kính, thùng ngâm cốt liệu.
10	Xác định khối lượng riêng; Khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006	Tủ sấy, Cân kỹ thuật, bình dung tích thủy tinh; tấm kính, thùng ngâm cốt liệu.

11	Xác định khối lượng thể tích, độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006	Tủ sấy, Cân kỹ thuật, thùng đông kim loại dung tích(1L),(5L).
12	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006	Tủ sấy, Cân kỹ thuật.
13	Xác định hàm lượng bụi, bùn, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006	Tủ sấy, Cân kỹ thuật, thùng rửa cốt liệu, kim sắt nhỏ.
14	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006	Cân kỹ thuật, ống dung tích 250ml 100ml, bảng so màu.
15	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006	Máy kéo, nén vạn năng 1000KN, thùng ngâm mẫu, thước kẹp cơ khí.
16	Xác định độ nén đập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006	Máy kéo, nén vạn năng 1000KN, thùng ngâm mẫu, xi lanh bằng thép Ø75mm, 150mm
17	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006	Cân kỹ thuật, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy, thước kẹp cái tiến.
18	Cát nghiền cho bê tông và vữa	TCVN 9205:2012	Cân kỹ thuật, bộ sàng tiêu chuẩn, thùng ngâm mẫu, tủ sấy

IV. THÍ NGHIỆM ĐÀM NÉN TIÊU CHUẨN

19	Đất đá đầm dùi trong công trình giao thông – đầm nén Proctor	TCVN 12790:2020	Cối, chày đầm Proctor, Cối, chày đầm cải tiến, cân kỹ thuật, tủ sấy, sàng
----	--	-----------------	---

V. KIỂM TRA KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN

20	Thử kéo vật liệu kim loại	TCVN 197-1:2014	Máy kéo, nén vạn năng 1000KN, thước lá, cân kỹ thuật
21	Thử uốn vật liệu kim loại	TCVN 198:2018	Máy kéo, nén vạn năng 1000KN, thước lá, bộ gồ uốn.
22	Kiểm tra chất lượng mối hàn-Thử uốn	TCVN 5401:2010	Máy kéo, nén vạn năng 1000KN, thước lá, bộ gồ uốn.
23	Kiểm tra chất lượng mối hàn-Thử kéo	TCVN 5403:2010	Máy kéo, nén vạn năng 1000KN, thước lá
24	Thử kéo bu lông	TCVN 197-1:2014; TCVN 1916:1995	Máy kéo, nén vạn năng 1000KN, thước kẹp

VI. THÍ NGHIỆM VỮA XÂY

25	Cường độ nén, uốn của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11: 2022	Máy nén 300KN, bộ gá nén, uốn mẫu
26	Xác định độ hút nước do mao dẫn của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18: 2022	Thùng ngâm mẫu, Cân kỹ thuật, tủ sấy
27	Hướng dẫn pha trộn và sử dụng vữa xây dựng (Thiết kế cấp phối vữa)	TCVN 4459:1987	Máy nén 300kN, Cân kỹ thuật ; bộ sàng tiêu chuẩn; tủ sấy; thùng đông kim loại dung tích(1L); bay trộn; thước kẹp cơ khí ; khuôn mẫu 160x40x40(mm); thước lá kim loại.

VII. THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH

28	Xác định cường độ nén	TCVN 6355-2:2009	Máy nén 300kN, thước lá kim loại.
29	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3:2009	Máy nén 300kN, thước lá kim loại.
30	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009	Cân kỹ thuật; tủ sấy; thùng ngâm mẫu.
31	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009	Cân kỹ thuật; tủ sấy; thước đo.
32	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009	Cân kỹ thuật; thùng ngâm mẫu.
33	Gạch xi măng lát nền : kiểm tra ngoại quan, độ hút nước	TCVN 6065:1995	Thước cặp kim loại; Cân kỹ thuật; thùng ngâm mẫu.
34	Gạch bê tông : Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan, Cường độ nén, độ hút nước, độ rỗng	TCVN 6477:2016	Máy nén 300KN; Thước lá kim loại; Cân kỹ thuật ; tủ sấy, Thùng ngâm mẫu.
35	Gạch bê tông tự chèn : Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan, Cường độ nén, độ hút nước,	TCVN 6476:1999	Máy nén 300KN; bộ tấm ép mẫu gạch tự chèn; Thước cặp kim loại; Cân kỹ thuật; Máy mài mòn; thùng ngâm mẫu.
36	Gạch terazo: Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan, độ hút nước bề mặt; độ bền uốn	TCVN 7744:2013	Máy nén uốn; Thước lá kim loại, Thước cặp điện tử, tủ sấy, thùng ngâm mẫu, cân kỹ thuật
37	Gạch Granito: Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan,	TCVN 6074:1995	Thước cặp kim loại; Cân kỹ thuật;
38	Đá ốp lát tự nhiên : Xác định hình dáng ,kích thước và khuyết tật; độ vuông góc; độ phẳng cạnh; xác định độ hút nước khối lượng thể tích; độ bền uốn	TCVN 4732:2016	Máy nén, uốn, Thước lá, thước kẹp, thước nivo (thước thủy), cân kỹ thuật, tủ sấy
39	Bê tông nhẹ : Kiểm tra khuyết tật ngoại quan; độ vuông góc; độ phẳng cạnh và độ phẳng mặt; xác định cường độ nén; độ ẩm và khối lượng thể tích khô; độ hút nước	TCVN 9030:2017	Thước; Máy nén; Cân kỹ thuật; Tủ sấy.

XII. THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG

40	Xác định khối lượng thể tích của đất tại hiện trường bằng phương pháp dao dai	TCVN 12791:2020	Dao dai; Cân kỹ thuật; Tủ sấy
41	Khối lượng thể tích, độ ẩm của đất, lớp kết cấu bằng phiếu rót cát	AASHTO T191	Bộ phiếu rót cát hiện trường, cân kỹ thuật, tủ sấy...
42	Xác định mô đun đàn hồi (E) của đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011	Tấm ép cứng chuyên dùng, kích thủy lực có gắn đồng hồ đo lực, thiên phân kế.

43	Phương pháp không phá hủy (sử dụng máy đo siêu âm kết hợp súng bật nảy)	TCVN 9335:2012	Thiết bị súng bật nảy và thiết bị sử dụng xác định vận tốc siêu âm
44	Xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép nằm trong bê tông	TCVN 9356:2012	Máy dò định vị cốt thép ZD-332
45	Phương pháp xác định mô đun biến dạng tại hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354:2012	Tấm ép cứng chuyên dùng, kích thủy lực có gắn đồng hồ đo lực, thiên phân kế.
46	Cọc – Phương pháp thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012	Kích thủy lực; Bộ dầm chất tải, tải trọng, bộ gá đồng hồ so, gá từ, giàn thiên phân kế
47	Đánh giá độ bền của kết cấu bộ phận chịu uốn trên công trình bằng phương pháp thí nghiệm chất tải tĩnh	TCVN 9344:2012	Thiết bị và vật liệu tạo tải trọng; Thiết bị đo và công tác đo đạc
48	Phương pháp Đo Chiều Sâu Cacbonat Hóa	TCVN 13933:2024	Máy khoan bê tông, máy nén; tủ sấy; phenolphthalein tinh thể.
49	Thí nghiệm xác định cường độ nén bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012	Súng bật nảy C380
50	Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012	Máy đo hiệu KYORITTSU model 4105A

2.2 Danh mục máy móc, thiết bị:

STT	Thiết bị	Số lượng	Ngày hợp đồng	Giao nhận thiết bị ngày	Hóa đơn	Ghi chú
1	Máy kéo nén vạn năng 1000kN (Hiện thị màn hình LCD)	1	10/04/2024	13/04/2024	Ký hiệu: 1C24TCT Số :226	
2	Bộ gối uốn dùng cho máy kéo thép vạn năng	1	10/04/2024	13/04/2024	Ký hiệu: 1C24TCT Số :226	
3	Bộ gá kéo Bu lông	1	10/04/2024	13/04/2024	Ký hiệu: 1C24TCT Số :226	
4	Khuôn đúc mẫu bê tông 150x150x150	12	10/04/2024	13/04/2024	Ký hiệu: 1C24TCT Số :226	
5	Khuôn đúc mẫu xi măng 40x40x60	3	10/04/2024	13/04/2024	Ký hiệu: 1C24TCT Số :226	

STT	Thiết bị	Số lượng	Ngày hợp đồng	Giao nhận thiết bị ngày	Hóa đơn	Ghi chú
6	Khuôn đúc mẫu bê tông hình trụ D150xH300	6	10/04/2024	13/04/2024	Ký hiệu: 1C24TCT Số :226	
7	Côn thử độ sụt	1	10/04/2024	13/04/2024	Ký hiệu: 1C24TCT Số :226	
8	Máy trộn vữa xi măng tiêu chuẩn	1	10/04/2024	13/04/2024	Ký hiệu: 1C24TCT Số :226	
9	Máy nén xi măng 300kN	1	10/04/2024	13/04/2024	Ký hiệu: 1C24TCT Số :226	
10	Bộ gá nén mẫu xi măng	1	10/04/2024	13/04/2024	Ký hiệu: 1C24TCT Số :226	
11	Bộ gá uốn mẫu xi măng	1	10/04/2024	13/04/2024	Ký hiệu: 1C24TCT Số :226	
12	Bình tỷ trọng xi măng	1	10/04/2024	13/04/2024	Ký hiệu: 1C24TCT Số :226	
13	Bộ xi lanh nén dập đá dăm D75	1	10/04/2024	13/04/2024	Ký hiệu: 1C24TCT Số :226	
14	Bộ xi lanh nén dập đá dăm D150		10/04/2024	13/04/2024	Ký hiệu: 1C24TCT Số :226	
15	Bảng màu chuẩn	1	10/04/2024	13/04/2024	Ký hiệu: 1C24TCT Số :226	
16	Thước đo thoi dẹt, tỷ lệ 1:3	1	10/04/2024	13/04/2024	Ký hiệu: 1C24TCT Số :226	
17	Cối Proctor tiêu chuẩn	1	10/04/2024	13/04/2024	Ký hiệu: 1C24TCT Số :226	
18	Chày Proctor tiêu chuẩn	1	10/04/2024	13/04/2024	Ký hiệu: 1C24TCT	

STT	Thiết bị	Số lượng	Ngày hợp đồng	Giao nhận thiết bị ngày	Hóa đơn	Ghi chú
					Số :226	
19	Cối Proctor cải tiến	1	10/04/2024	13/04/2024	Ký hiệu: 1C24TCT Số :226	
20	Chày Proctor cải tiến	1	10/04/2024	13/04/2024	Ký hiệu: 1C24TCT Số :226	
21	Sàng 0,09mm ; 50mm; 37,5mm; 25mm; 19mm; 9,5mm; 4,75mm; 2,36mm; 0,425mm; 40mm; 20mm; 10mm; 5mm; 2,5mm; 1,25mm; 0,63mm; 0,315mm; 0,14mm; đáy + nắp sàng	1	10/04/2024	13/04/2024	Ký hiệu: 1C24TCT Số :226	
22	Máy trộn vữa xi măng	1	07/05/2026	10/05/2026	Ký hiệu: 1C26TDL Số : 00000252	
23	Máy giã vữa xi măng tiêu chuẩn	1	07/05/2026	10/05/2026	Ký hiệu: 1C26TDL Số : 00000252	
24	Súng bắn bê tông	1	07/05/2026	10/05/2026	Ký hiệu: 1C26TDL Số : 00000252	
25	Mũi khoan rút lõi D55mm	1	07/05/2026	10/05/2026	Ký hiệu: 1C26TDL Số : 00000252	
26	Bàn giã vữa xi măng	1	07/05/2026	10/05/2026	Ký hiệu: 1C26TDL Số : 00000252	
27	Dụng cụ vica	1	07/05/2026	10/05/2026	Ký hiệu: 1C26TDL Số : 00000252	
28	Chụp dao vòng 200 cm ³	1	10/04/2024	13/04/2024	Ký hiệu: 1C24TCT Số :226	
29	Lưỡi dao vòng 200 cm ³	2	10/04/2024	13/04/2024	Ký hiệu:	

STT	Thiết bị	Số lượng	Ngày hợp đồng	Giao nhận thiết bị ngày	Hóa đơn	Ghi chú
					1C24TCT Số :226	
30	Bộ đo E bằng tấm ép tĩnh	1	10/04/2024	13/04/2024	Ký hiệu: 1C24TCT Số :226	
31	Ống kê cao 150 mm	1	10/04/2024	13/04/2024	Ký hiệu: 1C24TCT Số :226	
32	Ống kê cao 200 mm	1	10/04/2024	13/04/2024	Ký hiệu: 1C24TCT Số :226	
33	Ống kê cao 300 mm	1	10/04/2024	13/04/2024	Ký hiệu: 1C24TCT Số :226	
34	Phiếu rót cát hiện trường	1	10/04/2024	13/04/2024	Ký hiệu: 1C24TCT Số :226	
35	Máy đo điện trở	1	10/04/2024	13/04/2024	Ký hiệu: 1C24TCT Số :226	
36	Máy khoan bê tông D180	1	10/04/2024	13/04/2024	Ký hiệu: 1C24TCT Số :226	
37	Mũi khoan rút lõi	1	10/04/2024	13/04/2024	Ký hiệu: 1C24TCT Số :226	
38	Bộ kích thử tải cọc 3000kN	1	10/04/2024	13/04/2024	Ký hiệu: 1C24TCT Số :226	
39	Kích thủy lực và đồ hồ đo áp suất		10/04/2024	13/04/2024	Ký hiệu: 1C24TCT Số :226	
40	Đồng hồ so 50mm, vạch chia 0,01	4	10/04/2024	13/04/2024	Ký hiệu: 1C24TCT Số :226	
41	Gá từ giữ đồng hồ so	1	10/04/2024	13/04/2024	Ký hiệu: 1C24TCT Số :226	

STT	Thiết bị	Số lượng	Ngày hợp đồng	Giao nhận thiết bị ngày	Hóa đơn	Ghi chú
42	Máy siêu âm bê tông	1	10/04/2024	13/04/2024	Ký hiệu: 1C24TCT Số :226	
43	Máy siêu âm cốt thép	1	10/04/2024	13/04/2024	Ký hiệu: 1C24TCT Số :226	
44	Tủ sấy	1	10/04/2024	13/04/2024	Ký hiệu: 1C24TCT Số :226	
45	Thước kẹp 300 mm	1	10/04/2024	13/04/2024	Ký hiệu: 1C24TCT Số :226	
46	Cân điện tử 15 kg	1	10/04/2024	13/04/2024	Ký hiệu: 1C24TCT Số :226	
47	Cân điện tử 3 kg	1	10/04/2024	13/04/2024	Ký hiệu: 1C24TCT Số :226	

2.3 Danh mục hiệu chuẩn, kiểm định thiết bị.

STT	Phương tiện đo lường	Số giấy hiệu chuẩn/ kiểm định	Ngày hiệu chuẩn/ kiểm định	Ghi chú
1	Máy kéo nén vạn năng 1000kN (Hiển thị màn hình LCD)	620.02L/0826	20/08/2026	
2	Máy trộn vữa xi măng tiêu chuẩn	IMC.4546.26	07/05/2026	
3	Máy giã tạo mẫu xi măng	IMC.4547.26	07/05/2026	
4	Máy nén xi măng 300kN	620.01L/0826	20/08/2026	
5	Máy đo điện trở	620.02L/0826	20/08/2026	
6	Bộ kích thử tải cọc 3000kN	620.04L/0826	20/08/2026	
7	Kích thủy lực và đồ hồ đo áp suất	620.03L/0826	20/08/2026	
8	Đồng hồ so	620.05D/0826	20/08/2026	
9	Đồng hồ so	620.06D/0826	20/08/2026	
10	Đồng hồ so	620.07D/0826	20/08/2026	
11	Đồng hồ so	620.08D/0826	20/08/2026	



STT	Phương tiện đo lường	Số giấy hiệu chuẩn/ kiểm định	Ngày hiệu chuẩn/ kiểm định	Ghi chú
12	Máy siêu âm bê tông	620.13/0826	20/08/2026	
13	Máy siêu âm cốt thép	620.14/0826	20/08/2026	
14	Tủ sấy	620.11N/0826	20/08/2026	
15	Thước kẹp 300 mm	620.12D/0826	20/08/2026	
16	Cân điện tử 15 kg	620.10K/0826	20/08/2026	
17	Cân điện tử 3 kg	620.09K/0826	20/08/2026	
18	Súng bắn bê tông	IMC.1762.26	07/05/2026	

2.4 Danh sách cán bộ, thí nghiệm viên.

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ, bằng cấp	Chức vụ	Phân công nhiệm vụ
1	Nguyễn Hoàng Nam	Thạc sĩ – Kỹ sư	ThS. Địa kỹ thuật xây dựng	Giám đốc; Trưởng phòng thí nghiệm	Quản lý chung; quản lý phòng thí nghiệm; thực hiện thí nghiệm hiện trường và trong phòng
			Đại học xây dựng dân dụng và Công nghiệp		
			Chứng nhận huấn luyện An toàn lao động, vệ sinh lao động		
			Chứng nhận đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ về các yêu cầu đối với hoạt động của tổ chức tiến hành giám định.		
			Chứng nhận đào tạo quản lý phòng thí nghiệm		
			Chứng nhận đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ lĩnh vực : Xây dựng DN&CN; Giao thông, Thủy lợi – Thủy điện		
			Chứng nhận đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ về quan trắc công trình xây dựng bằng phương pháp phi trắc địa		
			Chứng nhận đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ về quan trắc công trình xây dựng lĩnh vực Trắc địa		

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ, bằng cấp	Chức vụ	Phân công nhiệm vụ
1	Nguyễn Hoàng Nam	Thạc sĩ – Kỹ sư	Chứng nhận đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ về kiểm định chất lượng công trình xây dựng, lĩnh vực Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	Giám đốc; Trưởng phòng thí nghiệm	Quản lý chung; quản lý phòng thí nghiệm; thực hiện thí nghiệm hiện trường và trong phòng
			Chứng nhận thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc		
			Chứng nhận kiểm tra ăn mòn bê tông và bê tông cốt thép		
			Chứng nhận kiểm tra chất lượng bê tông bằng phương pháp không phá huỷ		
			Chứng nhận kiểm tra công trình đường ô tô		
2	Nguyễn Minh Thiện	Kỹ sư	Đại học kỹ thuật công trình xây dựng	Phó trưởng phòng thí nghiệm	Quản lý phòng thí nghiệm; thực hiện thí nghiệm hiện trường và trong phòng
			Trung cấp Xây dựng dân dụng và công nghiệp		
			Quản Lý phòng Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo TCVN ISO/IEC 17025:2017		
			Thí nghiệm viên Cơ lý đất trong phòng và hiện trường		
			Thí nghiệm viên Phương pháp thử các tính chất cơ lý của vật liệu kim loại và Liên kết hàn		
			Thí nghiệm viên xây dựng công trình giao thông		
			Thí nghiệm viên Thử nghiệm bê tông Ximăng		
			Thí nghiệm viên không phá huỷ		
			Chứng chỉ sơ cấp nghề thí nghiệm chuyên ngành xây dựng		
			Chứng chỉ sơ cấp nghề thí nghiệm chuyên ngành xây dựng		
3	Huỳnh Công Ty	Kỹ sư	Chứng chỉ sơ cấp nghề thí nghiệm chuyên ngành xây dựng	Thí nghiệm viên	Thí nghiệm hiện trường và trong phòng

Công ty TNHH Tư vấn Giám định Kiểm định chất lượng xây dựng Cửu Long chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin tự công bố; tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ kèm theo; cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung đã công bố và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN GIÁM ĐỊNH
KIỂM ĐỊNH CLXD CỬU LONG**

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Nam